

Shinhan Bank

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ

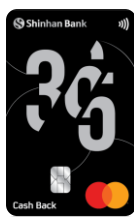
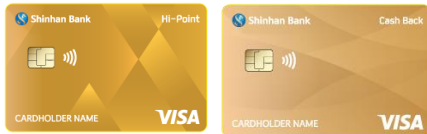
THẺ TÍN DỤNG CÁ NHÂN

 PWM Platinum	 Shinhan Signature	 Travel Platinum	 Korean Air - Shinhan
Miễn phí	2,500,000 VNĐ	1,500,000 VNĐ	1,100,000 VNĐ
Miễn phí	Miễn phí	1,100,000 VNĐ	700,000 VNĐ
Không áp dụng	Chi tiêu trên thẻ năm trước đó đạt tối thiểu 300 triệu VNĐ	Chi tiêu trên thẻ năm trước đó đạt tối thiểu 110 triệu VNĐ	Chi tiêu trên thẻ năm trước đó đạt tối thiểu 110 triệu VNĐ
25.8%	24.99%	28.8%	
2.6%	1.99%	2.9%	
Miễn phí	❖ ≤ 30 Thông báo giao dịch / kỳ sao kê: 22,000 VNĐ		
Miễn phí	❖ > 30 Thông báo giao dịch / kỳ sao kê: 22,000 VNĐ + 770 VNĐ / thông báo tính từ giao dịch thứ 31 trở đi		
	10,000 VNĐ / kỳ sao kê		
400,000 VNĐ			
2% trên dư nợ hiện tại (Tối thiểu 200,000 VNĐ)			
Kỳ hạn 12 tháng : 23% Kỳ hạn 24 tháng: 21% Kỳ hạn 36 tháng: 18%			
Miễn phí			
2.2% (Tối thiểu 22,000 VNĐ)			
4% (Tối thiểu 50,000 VNĐ , Tối đa 999,000 VNĐ)			
4% (Tối thiểu 250,000 VNĐ , Tối đa 999,000 VNĐ)			
220,000 VNĐ			
110,000 VNĐ			
100,000 VNĐ			
110,000 VNĐ / giao dịch			
Miễn phí			
110,000 VNĐ			
Kỳ hạn 3, 6, 9 tháng: 21.5% Kỳ hạn 12 tháng: 21% Kỳ hạn 18, 24, 36 tháng: 20.5%			
22,000 VNĐ / tháng			
25% hạn mức tín dụng			
100% hạn mức tín dụng			

Shinhan Bank

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ

THẺ TÍN DỤNG CÁ NHÂN

 Shinhan Bank BIỂU PHÍ DỊCH VỤ THẺ TÍN DỤNG CÁ NHÂN		 365 Cashback (PLATINUM)	 Hi-Point & Cash-Back (PLATINUM)	 Hi-Point & Cash-Back (GOLD)	 Hi-Point & Cash-Back (CLASSIC)
Phí thường niên (Thẻ chính)		1,100,000 VNĐ	1,100,000 VNĐ	550,000 VNĐ	350,000 VNĐ
Phí thường niên (Thẻ Phụ)		700,000 VNĐ	700,000 VNĐ	400,000 VNĐ	250,000 VNĐ
Miễn Phí thường niên năm thứ 2 trở đi		Chi tiêu trên thẻ năm trước đó đạt tối thiểu 110 triệu VNĐ	Chi tiêu trên thẻ năm trước đó đạt tối thiểu 110 triệu VNĐ	Chi tiêu trên thẻ năm trước đó đạt tối thiểu 55 triệu VNĐ	Chi tiêu trên thẻ năm trước đó đạt tối thiểu 35 triệu VNĐ
Lãi suất thông thường / năm		28.8%	28.8%	31.8%	31.8%
Phí giao dịch ngoại tệ		2.0%	2.9%		
Phí dịch vụ nhận thông báo	Kênh SMS (***)	❖ ≤ 30 Thông báo giao dịch / kỳ sao kê: 22,000 VNĐ ❖ > 30 Thông báo giao dịch / kỳ sao kê: 22,000 VNĐ + 770 VNĐ / thông báo tính từ giao dịch thứ 31 trở đi			
	Đa kênh	10,000 VNĐ / kỳ sao kê			
Phí đăng ký dịch vụ Tiền Mặt Linh Hoạt		400,000 VNĐ			
Phí trả sớm Tiền Mặt Linh Hoạt		2% trên dư nợ hiện tại (Tối thiểu 200,000 VNĐ)			
Lãi suất Tiền Mặt Linh Hoạt / năm		Kỳ hạn 12 tháng : 23% Kỳ hạn 24 tháng: 21% Kỳ hạn 36 tháng: 18%			
Phí rút tiền mặt		Miễn phí			
+ Tại ATM của Shinhan					
+ Tại ATM của ngân hàng khác		2.2% (Tối thiểu 22,000 VNĐ)			
Phí ứng trước tiền mặt		4% (Tối thiểu 50,000 VNĐ , Tối đa 999,000 VNĐ)			
Phí chậm thanh toán		4% (Tối thiểu 250,000 VNĐ , Tối đa 999,000 VNĐ)			
Phí cấp lại thẻ		220,000 VNĐ			
Phí cung cấp lại Bảng Sao Kê		110,000 VNĐ			
Phí tăng hạn mức tín dụng		100,000 VNĐ			
Phí khiếu nại và điều tra sự cố (Trường hợp lỗi giao dịch là do Chủ thẻ)		110,000 VNĐ / giao dịch			
Phí cấp lại mã số PIN		Miễn phí			
Phí dịch vụ đặc biệt		110,000 VNĐ			
Lãi suất Trả Góp Ưu Đãi / năm		Kỳ hạn 3, 6, 9 tháng: 21.5% Kỳ hạn 12 tháng: 21% Kỳ hạn 18, 24, 36 tháng: 20.5%			
Phí quản lý tài khoản thẻ không hoạt động		22,000 VNĐ / tháng			
Hạn mức ứng tiền mặt		25% hạn mức tín dụng			
Hạn mức thanh toán		100% hạn mức tín dụng			



Shinhan Bank

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ

THẺ TÍN DỤNG CÁ NHÂN



		Tiki – Shinhan (PLATINUM)	Tiki – Shinhan (CLASSIC)	Shinhan – Lotte Mart	BAEMIN - Shinhan
Phí thường niên (Thẻ chính)		1,100,000 VNĐ	350,000 VNĐ	550,000 VNĐ	350,000 VNĐ
Phí thường niên (Thẻ Phụ)		Không áp dụng	Không áp dụng	400,000 VNĐ	250,000 VNĐ
Miễn Phí thường niên năm thứ 2 trở đi		Chi tiêu trên thẻ năm trước đó đạt tối thiểu 110 triệu VNĐ	Chi tiêu trên thẻ năm trước đó đạt tối thiểu 35 triệu VNĐ	Chi tiêu trên thẻ năm trước đó đạt tối thiểu 55 triệu VNĐ	Chi tiêu trên thẻ năm trước đó đạt tối thiểu 35 triệu VNĐ
Lãi suất thông thường / năm		28.8%	31.8%	31.8%	31.8%
Phí giao dịch ngoại tệ		2.9%			
Phí dịch vụ nhận thông báo	Kênh SMS (***)	❖ ≤ 30 Thông báo giao dịch / kỳ sao kê: 22,000 VNĐ ❖ > 30 Thông báo giao dịch / kỳ sao kê: 22,000 VNĐ + 770 VNĐ / thông báo tính từ giao dịch thứ 31 trở đi			
	Đa kênh	10,000 VNĐ / kỳ sao kê			
Phí đăng ký dịch vụ Tiền Mặt Linh Hoạt		400,000 VNĐ			
Phí trả sớm Tiền Mặt Linh Hoạt		2% trên dư nợ hiện tại (Tối thiểu 200,000 VNĐ)			
Lãi suất Tiền Mặt Linh Hoạt / năm		Kỳ hạn 12 tháng : 23% Kỳ hạn 24 tháng: 21% Kỳ hạn 36 tháng: 18%			
Phí rút tiền mặt		Miễn phí			
+ Tại ATM của Shinhan					
+ Tại ATM của ngân hàng khác		2.2% (Tối thiểu 22,000 VNĐ)			
Phí ứng trước tiền mặt		4% (Tối thiểu 50,000 VNĐ , Tối đa 999,000 VNĐ)			
Phí chậm thanh toán		4% (Tối thiểu 250,000 VNĐ , Tối đa 999,000 VNĐ)			
Phí cấp lại thẻ		220,000 VNĐ			
Phí cung cấp lại Bảng Sao Kê		110,000 VNĐ			
Phí tăng hạn mức tín dụng		100,000 VNĐ			
Phí khiếu nại và điều tra sự cố (Trường hợp lỗi giao dịch là do Chủ thẻ)		110,000 VNĐ / giao dịch			
Phí cấp lại mã số PIN		Miễn phí			
Phí dịch vụ đặc biệt		110,000 VNĐ			
Lãi suất Trả Góp Ưu Đãi / năm		Kỳ hạn 3, 6, 9 tháng: 21.5% Kỳ hạn 12 tháng: 21% Kỳ hạn 18, 24, 36 tháng: 20.5%			
Phí quản lý tài khoản thẻ không hoạt động		22,000 VNĐ / tháng			
Hạn mức ứng tiền mặt		25% hạn mức tín dụng			
Hạn mức thanh toán		100% hạn mức tín dụng			

Shinhan Bank

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ

THẺ TÍN DỤNG CÁ NHÂN

					
		Hạng Bạch Kim	E-Card	Hạng Vàng	Hạng Chuẩn
Phí thường niên (Thẻ chính)		1,100,000 VNĐ	429,000 VNĐ	330,000 VNĐ	110,000 VNĐ
Phí thường niên (Thẻ Phụ)		550,000 VNĐ	220,000 VNĐ	220,000 VNĐ	Không áp dụng
Miễn Phí thường niên năm thứ 2 trở đi		Chi tiêu trên thẻ năm trước đó đạt tối thiểu 110 triệu VNĐ	Chi tiêu trên thẻ năm trước đó đạt tối thiểu 55 triệu VNĐ	Chi tiêu trên thẻ năm trước đó đạt tối thiểu 55 triệu VNĐ	Chi tiêu trên thẻ năm trước đó đạt tối thiểu 35 triệu VNĐ
Lãi suất thông thường / năm		22%	22%	22%	26%
Phí giao dịch ngoại tệ		2.9%			
Phí dịch vụ nhận thông báo	Kênh SMS (***)	❖ ≤ 30 Thông báo giao dịch / kỳ sao kê: 22,000 VNĐ ❖ > 30 Thông báo giao dịch / kỳ sao kê: 22,000 VNĐ + 770 VNĐ / thông báo tính từ giao dịch thứ 31 trở đi			
	Đa kênh	10,000 VNĐ / kỳ sao kê			
Phí đăng ký dịch vụ Tiền Mặt Linh Hoạt		400,000 VNĐ			
Phí trả sớm Tiền Mặt Linh Hoạt		2% trên dư nợ hiện tại (Tối thiểu 200,000 VNĐ)			
Lãi suất Tiền Mặt Linh Hoạt / năm		Kỳ hạn 12 tháng : 23% Kỳ hạn 24 tháng: 21% Kỳ hạn 36 tháng: 18%			
Phí rút tiền mặt		Miễn phí			
+ Tại ATM của Shinhan					
+ Tại ATM của ngân hàng khác		2.2% (Tối thiểu 22,000 VNĐ)			
Phí ứng trước tiền mặt		4% (Tối thiểu 50,000 VNĐ , Tối đa 999,000 VNĐ)			
Phí chậm thanh toán		4% (Tối thiểu 250,000 VNĐ , Tối đa 999,000 VNĐ)			
Phí cấp lại thẻ		220,000 VNĐ			
Phí cung cấp lại Bảng Sao Kê		110,000 VNĐ			
Phí tăng hạn mức tín dụng		100,000 VNĐ			
Phí khiếu nại và điều tra sự cố (Trường hợp lỗi giao dịch là do Chủ thẻ)		110,000 VNĐ / giao dịch			
Phí cấp lại mã số PIN		Miễn phí			
Phí dịch vụ đặc biệt		110,000 VNĐ			
Lãi suất Trả Góp Ưu Đãi / năm		Kỳ hạn 3, 6, 9 tháng: 21.5% Kỳ hạn 12 tháng: 21% Kỳ hạn 18, 24, 36 tháng: 20.5%			
Phí quản lý tài khoản thẻ không hoạt động		22,000 VNĐ / tháng			
Hạn mức ứng tiền mặt		25% hạn mức tín dụng			
Hạn mức thanh toán		100% hạn mức tín dụng			

 Shinhan Bank

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ
THẺ GHI NỢ CÁ NHÂN



Phí thường niên		Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí
Phí cấp lại mã số PIN		Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí
Phí giao dịch ngoại tệ		2.86%	3.85%	3.85%	3.85%
Phí dịch vụ nhận thông báo	Kênh SMS (***)	Miễn phí	❖ ≤ 30 Thông báo giao dịch / kỳ sao kê: 22,000 VNĐ ❖ > 30 Thông báo giao dịch / kỳ sao kê: 22,000 VNĐ + 770 VNĐ / thông báo tính từ giao dịch thứ 31 trở đi		
	Đa kênh	Miễn phí	10,000 VNĐ / kỳ sao kê		
Phí rút tiền mặt		Miễn phí			
+ Tại ATM của Shinhan					
+ Tại ATM của ngân hàng khác		2,200 VNĐ			
Phí truy vấn số dư Tài khoản		Miễn phí			
Phí cấp lại thẻ		110,000 VNĐ			
Phí cung cấp lại Bảng Sao Kê		110,000 VNĐ			
Phí khiếu nại và điều tra sự cố (Trường hợp lỗi giao dịch là do Chủ thẻ)		110,000 VNĐ / giao dịch			
Phí dịch vụ đặc biệt		110,000 VNĐ			



Shinhan Bank

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ

THẺ GHI NỢ CÁ NHÂN



Mastercard Shinhan PWM



Shinhan SOL Travel



Shinhan Be-SAFE



Hutech – Shinhan

Phí thường niên		Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí
Phí cấp lại mã số PIN		Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí
Phí giao dịch ngoại tệ		2.86%	0.99%	3.85%	3.85%
Phí dịch vụ nhận thông báo	Kênh SMS (***)	Miễn phí	❖ ≤ 30 Thông báo giao dịch / kỳ sao kê: 22,000 VNĐ ❖ > 30 Thông báo giao dịch / kỳ sao kê: 22,000 VNĐ + 770 VNĐ / thông báo tính từ giao dịch thứ 31 trở đi		Miễn phí
	Đa kênh		10,000 VNĐ / kỳ sao kê		
Phí rút tiền mặt + Tại ATM của Shinhan		Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí
+ Tại ATM của ngân hàng khác		2,200 VNĐ (*)	2,200 VNĐ (**)	2,200 VNĐ (*)	2,200 VNĐ
Phí truy vấn số dư Tài khoản		Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí
Phí cấp lại thẻ		110,000 VNĐ	110,000 VNĐ	110,000 VNĐ	110,000 VNĐ
Phí cung cấp lại Bảng Sao Kê		110,000 VNĐ	110,000 VNĐ	110,000 VNĐ	110,000 VNĐ
Phí khiếu nại và điều tra sự cố (Trường hợp lỗi giao dịch là do Chủ thẻ)		110,000 VNĐ / giao dịch	110,000 VNĐ / giao dịch	110,000 VNĐ / giao dịch	110,000 VNĐ / giao dịch
Phí dịch vụ đặc biệt		110,000 VNĐ	110,000 VNĐ	110,000 VNĐ	110,000 VNĐ

- (*) Miễn phí rút tiền mặt tại các ATM ngân hàng khác ở Việt Nam đối với tập khách hàng PWM, Premier Top Club, S-payroll, Shinhan Package và My SOL Package
- (**) Miễn phí rút tiền mặt tại các ATM ngân hàng khác ở Việt Nam đối với tập khách hàng PWM, Premier Top Club và S-payroll

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ
THẺ TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP



Shinhan hạng World



Shinhan hạng Vàng

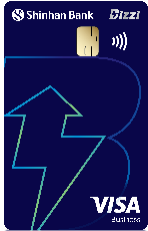
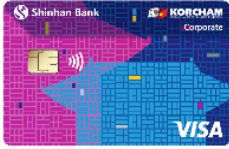
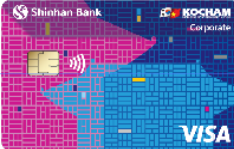


Phí thường niên	220,000 VNĐ
Miễn Phí thường niên năm thứ 2 trở đi	Chi tiêu trên thẻ năm trước đó đạt tối thiểu 105 triệu VNĐ
Lãi suất thông thường / năm	22%
Phí giao dịch ngoại tệ	2.6%
Phí chậm thanh toán	4% (Tối thiểu 50,000 VNĐ – Tối đa 1,000,000 VNĐ)
Phí cấp lại thẻ	220,000 VNĐ
Phí tăng hạn mức tín dụng	100,000 VNĐ
Phí dịch vụ tin nhắn SMS	Miễn phí
Phí cung cấp lại Bảng Sao Kê	110,000 VNĐ
Phí khiếu nại và điều tra sự cố (Trường hợp lỗi giao dịch là do Chủ thẻ)	110,000 VNĐ / giao dịch
Lãi suất trễ hạn + Tháng thứ 1 & tháng thứ 2 chậm thanh toán + Từ tháng thứ 3 trở đi của việc chậm thanh toán	+ Áp dụng lãi suất thông thường + 150% Lãi suất thông thường

Shinhan Bank

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ

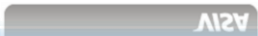
THẺ TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP

	 Bizzi – Shinhan	 Korean Air – Shinhan	 Korcham – Shinhan	 Kocham – Shinhan
Phí thường niên	220,000 VNĐ			
Miễn Phí thường niên năm thứ 2 trở đi	Chi tiêu trên thẻ năm trước đó đạt tối thiểu 105 triệu VNĐ			
Lãi suất thông thường / năm	22%			
Phí giao dịch ngoại tệ	2.6%			
Phí chậm thanh toán	4% (Tối thiểu 50,000 VNĐ – Tối đa 1,000,000 VNĐ)			
Phí cấp lại thẻ	220,000 VNĐ			
Phí tăng hạn mức tín dụng	100,000 VNĐ			
Phí dịch vụ tin nhắn SMS	Miễn phí			
Phí cung cấp lại Bảng Sao Kê	110,000 VNĐ			
Phí khiếu nại và điều tra sự cố (Trường hợp lỗi giao dịch là do Chủ thẻ)	110,000 VNĐ / giao dịch			
Lãi suất trễ hạn + Tháng thứ 1 & tháng thứ 2 chậm thanh toán + Từ tháng thứ 3 trở đi của việc chậm thanh toán	+ Áp dụng lãi suất thông thường + 150% Lãi suất thông thường			

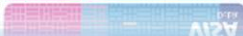
Shinhan Bank

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ

THẺ GHI NỢ DOANH NGHIỆP



Shinhan hạng Chuẩn



Korcham – Shinhan



Kocham – Shinhan

Phí thường niên	Miễn phí
Miễn Phí thường niên năm thứ 2 trở đi	Không áp dụng
Lãi suất thông thường / năm	Không áp dụng
Phí giao dịch ngoại tệ	2.86%
Phí chậm thanh toán	Không áp dụng
Phí cấp lại thẻ	110,000 VNĐ
Phí tăng hạn mức tín dụng	Không áp dụng
Phí dịch vụ tin nhắn SMS	Miễn phí
Phí cung cấp lại Bảng Sao Kê	110,000 VNĐ
Phí khiếu nại và điều tra sự cố (Trường hợp lỗi giao dịch là do Chủ thẻ)	110,000 VNĐ / giao dịch
Lãi suất trễ hạn + Tháng thứ 1 & tháng thứ 2 chậm thanh toán + Từ tháng thứ 3 trở đi của việc chậm thanh toán	Không áp dụng

LƯU Ý CHUNG:

- Các mức Phí trên đã bao gồm Thuế Giá Trị Gia Tăng (VAT)

- Phí thường niên sẽ được thu hàng năm sau khi Thẻ tín dụng của Quý khách được kích hoạt thành công

- (***) Áp dụng từ 05/05/2025